



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
IRABOND RU80**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm IRABOND RU80

Số hiệu sản phẩm ADH RU80

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Sơn lót.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng mắt loại 2 - H319 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H336

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Thành phần nhãn

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Câu cảnh báo nguy cơ

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336 Có thể buồn ngủ hoặc chóng mặt.
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

IRABOND RU80

Sự ăn phải	Không cố nôn ra. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch miệng với nước. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Giữ người bị ảnh hưởng khỏi nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với các phương tiện sau: Bột. Hóa chất, cát, dolomit khô, vv.
-------------------------------	---

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Rất dễ cháy. Hơi nặng hơn không khí và có thể lan rộng trên mặt đất và di chuyển một đoạn xa đến một nguồn phát lửa và nổ lan đến điểm xuất phát.
------------------------------	---

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực đám cháy nếu có thể thực hiện mà không gây nguy hiểm. Các thùng chứa gần đám cháy nên được rời đi hoặc làm mát với nước. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.
---	--

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Highly flammable Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt.
-----------------------------------	--

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

Tham khảo cho các phần khác

IRABOND RU80

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Use explosion proof electric equipment. Ngăn chặn điện tĩnh và sự hình thành các tia lửa điện. Tránh làm đổ ra ngoài. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Do not eat, drink or smoke when using the product. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Tránh hít phải hơi. Sử dụng mặt nạ phòng độc đã qua kiểm duyệt nếu mức độ ô nhiễm không khí trên mức có thể chấp nhận được. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Chỉ chứa trong thùng chứa gốc. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Nhóm lưu trữ Nhóm lưu trữ phù hợp với các sản phẩm lỏng dễ cháy.

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

TRICHLOROISOCYANURIC ACID (CAS: 87-90-1)

Chú thích thành phần Due to the hazardous nature of ingredients, exposure should be minimal.

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Sử dụng hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực không cháy nổ.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Cao su (tự nhiên, latex). Neopren. Polyvinyl clorua (PVC). Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product.

IRABOND RU80

Bảo hộ cho hô hấp	Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.
--------------------------	---

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Không màu.
Mùi đặc trưng	Mùi đặc trưng. Mùi ette.
Điểm chớp cháy	-4°C SCC (Cốc kín Setaflash).
Tỷ trọng tương đối	.86 - .94 @ @ 20 °C
Tính tan	Không tan trong nước.
Độ nhớt	1-10 mPa s @ 25°C
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Chất oxy hóa mạnh. Kiềm mạnh. Axit.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác.
Các vật liệu cần tránh	Chất oxy hóa mạnh. Kiềm mạnh. Axit mạnh. Polymerisable material.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Vapours/gases/fumes of: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2).

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 2.512.563,0

Thông tin chung	Tiếp xúc kéo dài và lặp lại với dung môi trong một thời gian dài có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe lâu dài.
Sự hít phải	Gây kích ứng hệ hô hấp. Hơi có thể tác động đến hệ thần kinh trung ương. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Buồn nôn, nôn mửa. Nhiễm độc. Có thể gây cảm giác khó chịu.
Sự ăn phải	Harmful if swallowed.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể được hấp thụ qua da.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng cho mắt.

IRABOND RU80

Đường vào cơ thể Qua đường thở Tiếp xúc với da và/hoặc mắt Ingestion.

Triệu chứng y học Kích ứng mắt và màng nhầy.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất độc hại đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ**Các biện pháp xử lý chất thải**

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1173

Số UN (IMDG) 1173

Số UN (ICAO) 1173

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) ETHYL ACETATE

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) ETHYL ACETATE

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) ETHYL ACETATE

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 3

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 3

IRABOND RU80

Nhóm IMDG 3

Nhóm/ mục ICAO 3

Nhãn vận chuyển

**Nhóm đóng gói**Nhóm đóng gói Đường II
bộ/Đường sắt

Nhóm đóng gói IMDG II

Nhóm đóng gói ICAO II

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-E, S-D

Số xác định nguy hại (Đường 33
bộ/Đường sắt)

Vận chuyển số lượng lớn theo Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Phụ lục II của MARPOL 73/78

và mã IBC

PHẦN 15: Thông tin luật định**PHẦN 16: Thông tin khác**

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 7

Ngày thay thế 29/04/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
 H272 Có thể tăng cường sự cháy; chất oxy hóa.
 H302 Gây hại nếu nuốt phải.
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
 H336 Có thể buồn ngủ hoặc chóng mặt.
 H400 Rất độc hại cho đời sống thủy sinh.
 H410 Rất độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
 H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.